

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04217**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163416	Lê Thị Kim	Anh	31/03/2008				5	7.0	6.0	8.0	7.0	9.0	4.5	6.8	7.0
2	2356201163417	Thái Thiện	Ân	07/04/2008				10	7.0	5.0	9.0	7.0	9.0	6.5		7.0
3	2356201163418	Ngô Minh	Chánh	16/11/2008				6	7.0	8.0	6.0	4.0	3.0	0.3	4.3	4.8
4	2356201163419	Lê Thị Ngọc	Chi	06/10/2008				7	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	5.5		6.2
5	2356201163420	Dương Hoàng	Hiếu	09/04/2008				4	7.0	5.0	4.0	4.0	8.0	3.5	6.8	6.3
6	2356201163421	Nguyễn Huỳnh Hữu	Huy	25/04/2008				5	7.0	7.0	9.0	8.0	9.0	3.0	0.0	4.9
7	2356201163422	Trương Hoàng	Huy	10/10/2006				7	6.0	4.0	6.0	5.0	5.0	4.0	6.8	6.2
8	2356201163423	Chau Ny	Kanl	12/12/2008				6	6.0	5.0	4.0	6.0	5.0	1.5	6.8	6.2
9	2356201163424	Lê Phúc	Khang	05/04/2008				4	6.0	7.0	6.0	8.0	9.0	4.0	6.8	6.8
10	2356201163426	Trương Nguyễn	Khoa	29/11/2007				5	4.0	6.0	6.0	5.0	5.0	0.3	0.0	2.3
11	2356201163427	Nguyễn Thị Khánh	Ly	29/12/2006				9	7.0	8.0	9.0	8.0	9.0	5.5		6.6
12	2356201163428	Nguyễn Văn	Mãi	04/11/2008				3	6.0	6.0	7.0	6.0	9.0	5.0		5.6
13	2356201163429	Dương Văn	Minh	12/07/2006				9	6.0	4.0	4.0	8.0	7.0	2.5	9.5	8.1
14	2356201163430	Nguyễn Thiện	Nam	26/06/2008				0	0.0	2.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1
15	2356201163431	Lê Thị Ngọc	Ngà	02/08/2008				7	7.0	4.0	8.0	8.0	9.0	5.0		5.9
16	2356201163432	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/03/2006				7	7.0	10.0	7.0	8.0	10.0	6.0		6.9
17	2356201163433	Đoàn Trọng	Nghĩa	25/12/2007				9	6.0	5.0	6.0	3.0	4.0	0.5	6.8	6.2
18	2356201163434	Nguyễn Văn	Nguyên	10/07/2008				9	4.0	0.0	4.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.9
19	2356201163435	Phạm Đặng Khôi	Nguyên	10/01/2008				6	7.0	4.0	7.0	5.0	7.0	2.5	6.5	6.3
20	2356201163436	Nguyễn Thanh	Nhàn	06/05/2008				7	7.0	6.0	6.0	7.0	6.0	1.0	5.8	6.1
21	2356201163437	Nguyễn Huỳnh	Phát	28/04/2000				9	7.0	4.0	8.0	4.0	9.0	5.0		5.7
22	2356201163438	Nguyễn Hoàng	Phúc	18/01/2008				9	7.0	4.0	4.0	8.0	3.0	3.5	6.8	6.3
23	2356201163439	Nguyễn Nhứt	Qui	17/03/2008				9	7.0	4.0	4.0	4.0	4.0	1.0	6.0	5.6
24	2356201163440	Lê Huỳnh	Thành	01/05/2008				3	7.0	6.0	7.0	8.0	7.0	1.0	6.3	6.4
25	2356201163441	Nguyễn Tấn	Thông	16/11/2008				7	6.0	6.0	2.0	6.0	9.0	0.5	4.3	4.9
26	2356201163442	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/04/2008				6	8.0	5.0	8.0	8.0	7.0	2.0	6.8	6.9
27	2356201163443	Nguyễn Phạm Thanh	Tiến	04/04/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
28	2356201163444	Lương Phú	Toàn	15/09/2008				5	7.0	10.0	8.0	5.0	8.0	5.0		5.9
29	2356201163445	Chau Sátth	Trí	11/09/2008				7	6.0	2.0	4.0	8.0	5.0	0.5	6.0	5.7
30	2356201163446	Bùi Vĩnh	Tường	14/06/2008				3	6.0	6.0	7.0	4.0	3.0	0.5	6.0	5.6
31	2356201163447	Nguyễn Đông	Uy	20/05/2005				5	7.0	8.0	4.0	8.0	7.0	8.0		7.5
32	2356201163448	Phan Thanh	Vĩ	23/04/2008				7	7.0	7.0	4.0	2.0	5.0	0.5	4.3	4.7
33	2356201163449	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	20/03/2008				9	7.0	10.0	8.0	8.0	8.0	4.0	7.3	7.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 5 tháng 7 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Bích Thắm